

Số: 298/QĐ-CDYT

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Chi miễn giảm tiền học phí cho sinh viên thuộc đối tượng
nghề học độc hại theo ND238/2025/NĐ-CP năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

*Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ
Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;
Căn cứ Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ quy định về
chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ
trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Hợp tác Quốc tế - Quản lý sinh viên
Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi miễn giảm tiền học phí cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng
nghề học độc hại theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của
Chính phủ năm học 2025-2026;

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổng số tiền miễn giảm: 269.786.400 đ

(Hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)

Nguồn kinh phí chi trả từ nguồn thu học phí của đơn vị.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng phòng: Tài chính - Hợp tác Quốc tế - Quản lý sinh viên và các sinh viên
có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

**HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ DUNG**

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TIỀN MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
THEO NĐ238/2025/NĐ-CP KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Số tín chỉ đợt 1	Số tiền/tín chỉ	Số tiền đã nộp	Số tiền HP phải nộp 30%	Số tiền nhận 70%	Ghi chú
I	D8A1							44.172.800	
1	Ma Khánh	Linh	06/12/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
2	Vũ Thị Hồng	Ngọc	22/04/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
3	Nguyễn Hoàng	Son	24/07/2005	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
4	Lò Văn	Huy	22/08/2006	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
5	Nguyễn Thị Diệu	Hương	28/9/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
6	Ngô Thị	Sang	23/02/2005	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
7	Trần Mỹ	Lan	25/10/2003	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
8	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	31/01/2006	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
II	ĐD8A1							70.992.000	
1	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/08/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
2	Nguyễn Hà Ngọc	Đức	21/06/2004	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
3	Ngọc Mai Diệu	Châu	17/01/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
4	Nguyễn Ngọc	Anh	22/12/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
5	Đàm Thị	Thọ	09/01/2002	16	493.000	7.888.000		7.888.000	DTTS + hộ nghèo
6	Bùi Thị	Thảo	26/8/2001	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
7	Bùi Thị Thu	Hoài	10/12/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
8	Nguyễn Hùng	An	26/3/2007	16	493.000	7.888.000		7.888.000	DTTS + hộ nghèo
9	Hà Thị Thu	Thủy	24/7/2006	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
10	Nguyễn Quang	Hiếu	02/07/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
11	Hà Thanh	Thiện	18/04/2005	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
12	Đoàn Uyên	Phương	12/01/2007	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
III	YSĐK 2A2							143.640.000	
1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/07/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
2	Trịnh Thị Phương	Linh	16/10/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
3	Mẫn Bá	Vương	03/10/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
4	Nguyễn Thuỳ	Linh	29/10/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
5	Dương Đức	Mạnh	03/10/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
6	Nguyễn Đăng	Mạnh	05/03/2006	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
7	Trần Đình	Nam	18/06/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
8	Phạm Trung	Kiên	19/03/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
9	Trần Thị Phương	Linh	12/05/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	



10	Nguyễn Hải	An	31/07/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
11	Phan Trọng	Nghĩa	09/08/2005	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
12	Nguyễn Mạnh	Huân	15/01/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
13	Đỗ Quang	Huy	15/11/2000	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
14	Ngô Thị Khánh	Ly	18/06/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
15	Đặng Thu	Phương	12/12/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
16	Ngô Ngọc	Quyên	5/8/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
17	Trần Mạnh	Quỳnh	17/8/2006	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
18	Nguyễn Thị	Hạnh	20/2/2006	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
19	Đinh Thị	Vân	17/10/1992	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
20	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	01/01/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
21	Nguyễn Lưu Thành	Chuân	20/8/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
22	Lê Tiến	Đức	11/10/2003	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
23	Trần Quốc	Toản	19/01/2007	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
24	Lương Hữu	Huy	20/11/1987	19	450.000	8.550.000	2.565.000	5.985.000	
IV	D8A3							5.521.600	
1	Thân Quý	Dương	14/07/2003	16	493.000	7.888.000	2.366.400	5.521.600	
V	D8A4					-	-	5.460.000	
1	Dương Thị	Thắm	26/02/1990	15	520.000	7.800.000	2.340.000	5.460.000	
46	Cộng tổng							269.786.400	

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN

Huyền

Nguyễn Thị Hải Yến



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ DUNG